

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16** /2019/HNGĐ-ST

Ngày 13/6/2019

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thành

2. Ông Võ Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/03/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/5/2019 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST- HNGĐ ngày 28/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1988 (*có mặt*)

HKTT: Tổ 9, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Nơi ở hiện nay: Ấp Ông H, xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai;.

- Bị đơn: Anh Cao Minh V, sinh năm: 1981 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/02/2019, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Cao Minh V trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian 01 năm đến ngày 20/11/2013 anh chị kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đây đều là lần hôn nhân lần đầu của anh chị. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng bà nội chồng ở ấp S, xã X, huyện C, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 7/2016 lúc chị vừa sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V thường xuyên chơi cờ bạc, lô đề,

anh V đi làm ở Biên H mỗi tuần mới về một lần, thu nhập được bao nhiêu đều chơi lô đề, còn cầm luôn cả xe máy để chơi lô đề. Trong quá trình chung sống với gia đình anh Vương thì có nhiều lần em trai anh V rình mò lúc chị đang tắm, anh V biết chuyện nhưng không nói gì và không hề bênh vực gì cho chị, bà nội anh V cũng nhiều lần chửi bới chị vô cớ. Vào tết năm 2018 anh V còn đánh đập chị gây thương tích nhẹ. Tiếp tục đến tết năm 2019 anh V lại kiếm chuyện đánh đập chị, giữa anh V và gia đình chị cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn từ đó cho đến nay. Nên chị và anh Vương đã sống ly thân nhau từ tết năm 2019 đến nay. Do cuộc sống chung giữa chị và anh V không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Cao Minh V, sinh ngày 24/4/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị xác định vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo các lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Cao Minh V trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về cơ sở tiến tới hôn nhân, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung và một phần nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày. Anh thừa nhận anh có chơi lô đề và có đánh đập chị L một lần trong lúc nóng nảy. Anh cũng biết sự việc mối quan hệ giữa chị L với bà nội và em trai anh thì anh cũng có nói chuyện nhắc nhở nhưng do anh xử lý các mối quan hệ trên chưa tốt nên gây cho vợ chồng anh đôi khi có nhiều khúc mắc. Tuy nhiên, theo anh thì giữa anh và chị L tuy là có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn, chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị L và mong muốn hàn gắn gia đình. Nay chị L xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị L vì vẫn còn thương yêu chị L, không muốn gia đình tan vỡ. Nếu Tòa án chấp nhận cho chị Loan được ly hôn với anh thì đối với con chung anh đồng ý giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự giải quyết với chị L. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn chị Lê Thị L và anh Cao Minh V cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh chị (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của cháu Minh V (bản sao); Giấy đăng ký kết hôn (bản chính); bảng lương và đơn xác nhận bảng lương (bản chính).

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, riêng bị đơn không chấp hành đầy đủ và vắng mặt tại

phiên tòa hôm nay nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp. Đại diện VKS huyện Cẩm Mỹ không có kiến nghị gì.

Về nội dung: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L và anh V ly hôn; về con chung: giao cháu Cao Minh V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh V; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Cao Minh V, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về tư cách tham gia tố tụng: chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh V nên xác định chị L là nguyên đơn và anh V là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Cao Minh V có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Tổ 9, ấp ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Cao Minh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh Vương là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Cao Minh V đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào năm 2013; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 19/11/2013, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L nhận thấy:

Theo trình bày của chị L thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh V ham mê cờ bạc, dẫn đến vợ chồng bất đồng, cãi vã nhau, anh V có hành vi bạo lực gia đình với chị, sống chung với gia đình anh V thì em trai anh V có hành vi nhìn lên chị khi tắm và bà nội anh V cũng có những lời lẽ chửi bới chị vô cớ, nhưng anh V không hề đứng ra can ngăn bên vực cho chị, giữa anh V và gia đình chị cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tết năm 2019 đến nay, cuộc sống chung giữa chị và anh V không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Tuy anh V không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn như chị L trình bày nhưng anh cũng thừa nhận anh và chị L đã sống ly thân nhau từ tết đến nay, anh có chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã nhau, trong lúc nóng giận anh có đánh chị L. Anh cũng biết sự việc mối quan hệ giữa chị L với bà nội và em trai anh nhưng do anh xử lý các mối quan hệ trên chưa tốt nên gây cho vợ chồng anh đôi khi có nhiều khúc mắc, anh mong muốn được hàn gắn nhưng vợ chồng cũng không gặp nhau để hóa giải mối quan hệ hàn gắn về chung sống với nhau. Mặt khác, hai người không có sự chia sẻ và có sự vi phạm nghĩa vụ chung sống giữa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh V. Xét thấy anh chị đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HN&GD chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh V.

[6] Về con chung: chị L và anh V đều thống nhất giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nếu anh chị ly hôn. Qua lời trình bày của anh chị thì thấy chị L hiện tại làm công nhân có công việc và thu nhập ổn định. Đồng thời, từ khi sinh ra cho đến nay cháu V do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cháu V mới hơn 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc từ người mẹ. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu V thì thấy nên giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGD. Nên chấp nhận cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh V

[7] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng về luật nội dung đề nghị áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết, HĐXX xét thấy không phù hợp nên không ghi nhận ý kiến này. Bởi vì, tuy hôn nhân giữa chị L và anh V được xác lập trước thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nhưng trong vụ án này anh chị chỉ tranh chấp về quan hệ hôn nhân, con chung không tranh chấp về tài sản nên HĐXX áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết trong vụ án này.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Cao Minh V.

- Về con chung: giao con chung cháu Cao Minh V, sinh ngày 24/4/2016 cho chị Lê Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Cao Minh V.

Khi cần thiết chị Loan và anh V được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: chị Lê Thị L phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004716 ngày 04/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. C
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đ;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Khuyên